

Số: 49/BCTCHN/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex và Công ty con được lập ngày 09 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc



Lê Hồng Đào
Chúng nhận đăng ký hành nghề số:
1732-2018-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Chí Thanh
Chúng nhận đăng ký hành nghề số:
2819-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.940.088.561	94.099.170.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.470.667.752	27.868.315.944
1. Tiền	111		9.470.667.752	22.868.315.944
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.167.433.962	29.751.148.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	16.290.615.903	28.534.079.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.730.405.471	1.244.780.804
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	146.412.588	404.771.066
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(432.482.818)
IV. Hàng tồn kho	140		30.607.685.084	34.602.135.984
1. Hàng tồn kho	141	V.05	30.607.685.084	34.602.135.984
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.694.301.763	1.877.569.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	2.365.276.887	1.806.005.041
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.329.024.876	71.564.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		475.675.338.905	296.761.093.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.400.000	33.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04c	38.400.000	33.400.000
II. Tài sản cố định	220		474.634.519.572	296.326.102.832
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	474.634.519.572	296.326.102.832
- Nguyên giá	222		727.051.622.604	512.206.526.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.417.103.032)	(215.880.423.345)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	327.802.000	327.802.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.802.000	327.802.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		674.617.333	73.789.047
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	532.901.861	73.789.047
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.08	141.715.472	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		552.615.427.466	390.860.264.058

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		330.333.402.620	172.713.388.328
I. Nợ ngắn hạn	310		155.636.159.620	76.292.838.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	35.241.206.104	17.723.166.456
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.493.717.610	604.530.484
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.646.624.199	2.971.429.058
4. Phải trả người lao động	314		13.434.639.400	9.241.404.478
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.064.742.506	833.816.389
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	5.310.876.325	2.643.899.771
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09a	91.813.283.784	40.766.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.631.069.692	1.508.591.692
II. Nợ dài hạn	330		174.697.243.000	96.420.550.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13c	144.000.000	144.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09b	174.553.243.000	96.276.550.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.282.024.846	218.146.875.730
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	222.282.024.846	218.146.875.730
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		153.604.780.000	153.604.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		153.604.780.000	153.604.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		342.666.555	342.666.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.055.379.999	25.105.732.029
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.279.198.292	39.093.697.146
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.736.120.176	2.736.120.176
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.543.078.116	36.357.576.970
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		552.615.427.466	390.860.264.058

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Trần Minh Vũ

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

Trần Minh Vũ

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương